

xin xét xử vắng mặt.

3. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K; địa chỉ: Thôn N1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trung H1 - Phó giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn H2; trú tại: Tổ dân phố 7, phường Đ1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn M trình bày: Năm 1996, ông M nhận chuyển nhượng thửa đất tại buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk của ông Y2, khi chuyển nhượng có giấy viết tay và đã được ông Y3 xác nhận, ông M đã thanh toán đầy đủ và nhận đất canh tác ổn định. Ví trí tứ cận: Phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp nhà ông L (B1); phía Nam giáp nhà ông Y4; phía Bắc giáp rừng le (của Công ty P). Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Y2, ông M sử dụng ổn định, đến tháng 7/2012, ông M làm đơn gửi chính quyền địa phương làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với 23.812,1m², còn lại 36.000m² do điều kiện khó khăn, bệnh tật nên chưa thể làm thủ tục.

Ngày 24-12-2012, Ủy ban nhân dân xã C đã lập tờ trình số 90/TTr-UBND gửi UBND huyện K đề nghị cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông M cùng 78 hộ dân khác.

Tháng 4 năm 2014 sau khi ông M và ông Y Thoại hoàn tất các thủ tục về thuê theo hợp đồng chuyển nhượng, ông M được kê khai đối với quyền sử dụng đất của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích là 23.812,1m² tại buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau đó ông Hoàng Văn H2 có đơn khiếu nại cho rằng lô đất thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do ông H2 mua của ông Lê Tấn Th, bà Hồ Thị T1, giấy sang nhượng là giấy viết tay đề ngày 07-12-2005, thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông H3, ông L1, ông H4, bà K1; phía Tây giáp đường đi; phía Nam giáp đất ông H3; phía Bắc giáp đất ông S1.

Sau đó, ông M tìm hiểu thì trong sổ địa chính do UBND huyện K quản lý đã thể hiện rõ ông Nguyễn Văn M là người kê khai đăng ký sử dụng thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 23.812,1m² tại buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên trong sổ địa chính xã C ai đó đã sửa lại người quản lý thửa đất là ông H2. Vì sự khác nhau như vậy nên UBND xã C đã lập tờ trình số 09 hủy GCNQSDĐ của ông M.

Ngày 15-01-2019, UBND huyện K ban hành công văn số 46/UBND-TNMT về việc xử lý đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn H2, theo công văn này

UBND gửi cơ quan chuyên môn đề nghị trả toàn bộ hồ sơ cấp GCN QSD đất của ông M và đề nghị ông Hoàng Văn H2 liên hệ UBND xã C để làm thủ tục cấp GCN QSD đất.

Ông Nguyễn Văn M cho rằng công văn số 46/UBND-TNMT ngày 15/01/2019 của UBND huyện K (viết tắt Công văn số 46) đã xâm phạm tới quyền và lợi ích của mình nên ông M đã khởi kiện yêu cầu hủy công văn số 46 nêu trên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K, người đại diện theo ủy quyền ông Y1 trình bày:

Thứ nhất: Về vị trí, nguồn gốc và quá trình sử dụng đất.

Thửa đất hộ ông Hoàng Văn H2 đang sử dụng là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất tại Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là ông Hoàng Văn H2 nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Lê Tấn Th và bà Hồ Thị Ánh T1 vào năm 2005 và được hộ ông Hoàng Văn H2 sử dụng ổn định cho tới nay.

Thửa đất hộ ông Nguyễn Văn M đang sử dụng là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 60, địa chỉ thửa đất tại xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là do ông Y2 cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1996 từ đất Lâm trường C1 giao cho ông Y2 vào năm 1991 và được ông Nguyễn Văn M sử dụng ổn định cho tới nay.

Thứ hai: Việc ông Nguyễn Văn M đang sử dụng tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 60, địa chỉ thửa đất tại xã C1 nhưng lại kê khai, đề nghị cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất tại Buôn E, xã C là kê khai không đúng vị trí, không đúng đối tượng sử dụng đất.

Thứ ba: Việc UBND xã C xác nhận nội dung kê khai đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn M tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất tại Buôn E đúng hiện trạng sử dụng đất và nguồn gốc sử dụng đất nhận chuyển nhượng năm 1996 là không đúng vị trí, không đúng về nguồn gốc sử dụng đất. Cán bộ địa chính xã tham mưu việc cấp GCNQSDĐ chỉ căn cứ vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn M và bản đồ địa chính đo vẽ năm 2011 tại xã C, không kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngoài thực địa; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ là chỉ căn cứ vào hồ sơ do UBND xã C chuyển lên, không kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngoài thực địa dẫn đến việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập phiếu chuyển thông tin địa chính số 109/PC-VPĐK, ngày 06-6-2014, chuyển đến Chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính cho ông Nguyễn Văn M đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, tại xã C là không đúng vị trí thửa đất mà hộ ông Nguyễn Văn M đang sử dụng.

Thứ tư: Nội dung kiến nghị của ông Hoàng Văn H2 là có cơ sở để được xem xét giải quyết. Bởi lẽ, hộ ông Nguyễn Văn M đang sử dụng thửa đất số 32,

tờ bản đồ số 60, địa chỉ thửa đất tại xã C1 nhưng lại kê khai, đề nghị cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất tại Buôn E, xã C là kê khai không đúng vị trí, không đúng đối tượng sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã C, người đại diện ủy quyền ông Nguyễn Trường M trình bày: Thửa đất ông M nhận chuyển nhượng của ông Y2 vào năm 1996 là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 60 thuộc địa giới hành chính xã C1, còn thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 23.812,1 m² thuộc địa giới hành chính xã C là của ông H2, nên yêu cầu khởi kiện của ông M là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, người đại diện theo ủy quyền ông Lương Trung H1 trình bày: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K tiếp nhận hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu của ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị H5 tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 23812.1 m² được UBND xã C xác nhận ngày 24-12-2012 kèm theo Tờ trình số 90/TTr-UBND về việc đề nghị cấp GCNQSDĐ cho 79 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ tại xã C.

Trên cơ sở hồ sơ kê khai đăng ký cấp GCN của ông Nguyễn Văn M và quy định của pháp luật Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện xác nhận hồ sơ của ông Nguyễn Văn M đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo khoản 1, Điều 11, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, ngày 25-5-2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện đã chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính đến Chi cục thuế huyện K để xác định nghĩa vụ tài chính đối với hồ sơ của ông Nguyễn Văn M. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị H5 chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đầy đủ theo đúng quy định nên chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đất.

Ngày 23-10-2018, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện nhận được Giấy mời số 60/GM-TN&MT, ngày 22/10/2018 của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc xử lý đơn kiến nghị của công dân, kiến nghị về cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 23.812,1 m². Qua kiểm tra và phối hợp giải quyết với phòng Tài nguyên và Môi trường theo kết quả biên bản làm việc ngày 20-12-2018 như sau: Kiểm tra thực địa vị trí thửa đất hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 60, thuộc địa giới hành chính xã C1 quản lý. Đối chiếu với hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ lần đầu của ông Nguyễn Văn M năm 2012 đăng ký cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20 địa chỉ thửa đất buôn E, xã C, huyện K thì thửa đất hiện nay gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng có vị trí khác so với thửa đất đăng ký cấp GCNQSDĐ năm 2012. Đồng thời các

thành viên Đoàn kiểm tra T đề nghị cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục hủy bỏ hồ sơ cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 23.812,1 m² theo đúng quy định pháp luật.

Việc ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị H5 không sử dụng thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 23.812,1 m² nhưng kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ là không đúng quy định pháp luật. Do đó hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, diện tích 23.812,1 m² là không hợp lệ, không đúng đối tượng sử dụng đất.

Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K đã phối hợp với cơ quan có liên quan để thẩm tra hồ sơ và lập các văn bản để hủy hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn M đồng thời chuyển trả hồ sơ không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn M đăng ký cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất buôn E, xã C, huyện K.

Như vậy yêu cầu khởi kiện của ông M là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chi cục thuế huyện K, người đại diện ông Nghiêm Văn L2 trình bày:

Ngày 06-6-2014 Chi Cục Thuế huyện K nhận được Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số: 109PC-VĐK ngày 06-6-2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

Sau khi Chi Cục Thuế huyện K nhận được Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính nêu trên thì Chi Cục Thuế đã ban hành Thông báo số 1329tb/TB-CCT ngày 06-6-2014 về việc thông báo lệ phí trước bạ, nhà đất; Thông báo số 1023tn/TB-CCT ngày 06-6-2014 về việc thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân.

Ngày 15-01-2019, Chi Cục Thuế khu vực E1 - K, nhận được Công văn số 46/UBND-TNMT ngày 15-01-2019 về việc xử lý đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn H6, thường trú tại TDP 7, phường Đ1, thị xã B và Công Văn số 179/UBND-TNMT ngày 01-3-2019 về việc đôn đốc thực hiện Công văn số 46/UBND-TNMT ngày 15-01-2019 và Công văn số 35/CNKBU ngày 06/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K về việc hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ lần đầu của ông Nguyễn Văn M1 và bà Phan Thị H1 không hợp lệ. Trong đó có nội dung yêu cầu Chi Cục thuế huyện K thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 1329/TB-CCT ngày 06-6-2014 thông báo lệ phí trước bạ, nhà đất; Thông báo số 1023tn/TB-CCT ngày 06-6-2014 thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân.

Ngày 09-5-2019, Chi Cục thuế huyện K ban hành Thông báo số 252/TB-CCT về việc hủy bỏ giá trị pháp lý thông báo nộp nghĩa vụ tài chính. Lý do hủy bỏ: Thông báo số 1329tb/TB-CCT ngày 06-6-2014 thông báo lệ phí trước bạ, nhà đất; Thông báo số 1023tn/TB-CCT ngày 06-6-2014 thông báo nộp thuế

thu nhập cá nhân, đối với ông Nguyễn Văn M1 và bà Phan Thị H1, (Cấp không đúng vị trí thửa đất). Tuy nhiên đến nay Thông báo số 252/TB-CCT ngày 09-5-2019 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý thông báo nộp nghĩa vụ tài chính đã có hiệu lực thi hành.

Như vậy, Chi Cục Thuế khu vực E1 - K ban hành Thông báo số 252/TB-CCT ngày 09-5-2019 về việc hủy bỏ giá trị pháp lý thông báo nộp nghĩa vụ tài chính là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Hoàng Văn H2 trình bày: Ngày 07-02-2005, gia đình ông H2 nhận chuyển nhượng diện tích 23.812,1m² của ông Lê Tấn Th bà Hồ Thị Ánh T1, với giá 9.000.000 đồng, thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Biện Xuân P1; phía Tây giáp đất ông Trần Văn T2; phía Nam giáp đất ông Biện Xuân P1 và giáp đường đi; phía Bắc giáp đất ông Triệu Duyên T3, ông Trần Văn S1, ông Đào Xuân H5, bà Trương Thị T4. Gia đình ông H2 canh tác ổn định từ năm 2005 đến nay, không có tranh chấp. Việc ông M kê khai đăng ký quyền sử dụng đất trên thửa đất của ông H2 là không đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M thì ông H2 không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 25/2020/HC-ST ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn M về việc yêu cầu hủy Công văn số 46/UBND-TNMT ngày 15-01-2019 của UBND huyện K về việc xử lý đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn H6, trú tại TDP 7, phường Đ1, thị xã B.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22-9-2020 người khởi kiện là ông Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên Bản án số 25/2020/HC-ST ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án

của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối tượng khởi kiện: Ngày 15-01-2019, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Công văn số 46/UBND-TNMT về việc xử lý đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn H6 liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M. Ngày 14-6-2019, ông Nguyễn Văn M làm đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý để giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về thẩm quyền ban hành và tính hợp pháp của văn bản: Ngày 15-01-2019, UBND huyện K ban hành Văn bản số 46/UBND-TNMT về việc xử lý đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn H2 khiếu nại liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của ông Nguyễn Văn M là đúng quy định tại Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11-11-2011; khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 105 Luật đất đai năm 2013.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn M cho rằng ông nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Y2 tại buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1996. Quá trình sử dụng đất ông đã đăng ký và làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 23.812,1 m² (còn 36.000m² chưa làm thủ tục). Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành công văn số 46/UBND-TNMT về xử lý đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn H2: *Yêu cầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện K trả hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông M và đề nghị ông Hoàng Văn H2 liên hệ Ủy ban nhân dân xã C để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ*, làm ảnh hưởng quyền lợi của ông là không chính xác, bởi lẽ:

[3.1] Tại biên bản lập ngày 20-12-2018, phòng Tài nguyên & Môi trường phối hợp với Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xác định: Vị trí thửa đất ông Nguyễn Văn M đang sử dụng thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 60, thuộc địa giới hành chính xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp rẫy ông Hoàng Văn L; phía Nam giáp ông Ama Sor; phía Bắc giáp Công ty P. Còn vị trí thửa đất ông Hoàng Văn H2 đang sử dụng là số 63, tờ bản đồ số 20 tại Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do ông Hoàng Văn H2 nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Lê Tấn Th và bà Hồ Thị Ánh T1 vào năm 2005. Tứ cận thửa đất: Phía Đông giáp ông Biện Xuân P1; phía Tây giáp ông Trần Văn T2; phía Nam giáp đường đi; phía Bắc giáp ông Triệu Duyên T3, ông Đào Xuân H5, bà Trần Thị D1, ông Trần Văn S1 và bà Trương Thị T4. Như vậy, thửa đất hộ ông Nguyễn Văn M

đang sử dụng là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 60 tại xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nhưng lại kê khai, đề nghị cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất tại Buôn E, xã C do ông Hoàng Văn H2 đang sử dụng là không đúng vị trí thửa đất.

[3.2] Lời khai của đại diện Ủy ban nhân dân các cấp của huyện K đã khẳng định: Việc ông Nguyễn Văn M kê khai, xin cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20 tại Buôn E là không đúng vị trí, nguồn gốc sử dụng đất. Đồng thời, thừa nhận do sai sót của cán bộ địa chính xã C trong việc tham mưu cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn M khi không kiểm tra thực tế sử dụng đất. Dẫn đến một loạt sai sót kéo theo của Văn phòng đăng ký đất đai (lập phiếu chuyển thông tin địa chính số 109/PC-VPĐK) và Chi cục thuế xác định nghĩa vụ tài chính cho ông Nguyễn Văn M đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 20 xã C. Hơn nữa, các đương sự ông Nguyễn Văn M và ông Hoàng Văn H2 đều thừa nhận quản lý, sử dụng đất trồng cây nông nghiệp ổn định, không có tranh chấp kể từ khi được nhận chuyển nhượng đất của người khác cho đến khi tranh chấp năm 2018. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M là đúng pháp luật. Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2020/HC-ST Ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. **Xử:**

Áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật đất đai năm 2003; điểm b khoản 2 Điều 59; khoản 1 Điều 105 Luật đất đai năm 2013.

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M yêu cầu hủy Công văn số 46/UBND-TNMT ngày 15-01-2019 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc xử lý đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn H6, trú tại tổ dân phố 7, phường Đ1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1, Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0015496 ngày 08-10-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Văn M đã nộp đủ án phí.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18 - 3 - 2021./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu